



Working Paper 2021.1.4.02
- Vol 1, No 4

SỨC KHỎE TÀI CHÍNH CỦA GIỚI TRẺ VIỆT NAM: VAI TRÒ CỦA THẢO LUẬN TÀI CHÍNH, HIỂU BIẾT TÀI CHÍNH VÀ Ý THỨC TÀI CHÍNH

Trương Hoàng Nam¹

Sinh viên K57 Tài chính quốc tế - Khoa Tài chính ngân hàng
Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Văn Hà

Giảng viên bộ môn Tài chính quốc tế - Khoa Tài chính ngân hàng
Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Sức khỏe tài chính đóng vai trò nền tảng trong việc xây dựng và duy trì chất lượng cuộc sống về cả thể chất lẫn tinh thần. Việc nuôi dưỡng và phát triển sức khỏe tài chính lành mạnh cho thế hệ người trẻ lại càng trở nên đặc biệt quan trọng khi đây chính là nguồn lực chính cho sự phát triển của toàn xã hội. Trong bài viết này, tác giả đánh giá vai trò của thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính và ý thức tài chính đối với sức khỏe tài chính của giới trẻ Việt Nam. Sử dụng dữ liệu nghiên cứu gồm 219 mẫu quan sát và mô hình hồi quy OLS, nghiên cứu chỉ ra rằng, thảo luận tài chính và ý thức tài chính ảnh hưởng mạnh mẽ tới sức khỏe tài chính của giới trẻ Việt Nam, trong khi tác động của hiểu biết tài chính là không đáng kể. Từ đó, nghiên cứu đề xuất những giải pháp và kiến nghị phù hợp nhằm nâng cao năng lực quản lý tài chính cá nhân cho giới trẻ Việt Nam.

Từ khóa: sức khỏe tài chính, giới trẻ, thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính, ý thức tài chính

FINANCIAL WELL-BEING OF THE YOUNG IN VIETNAM: THE ROLE OF FINANCIAL DISCUSSION, FINANCIAL LITERACY AND ATTITUDE TOWARDS MONEY

Abstract

Financial well-being plays a fundamental role in building and maintaining life quality both physically and mentally. Nurturing and evolving healthy financial well-being for the young generation becomes even more crucial when this is the primary resource for society's development. In this article, we assess the impact of financial discussion, financial literacy and attitude towards money on the financial well-being of the young in Vietnam. Using research data including 219 observations and the OLS regression model, the study shows that financial discussion and attitude towards money strongly influence the financial well-being of young Vietnamese, while the effect

¹ Tác giả liên hệ, Email: hoangnamthpth@gmail.com

of financial literacy is insignificant. The study proposes relevant solutions and recommendations to improve the personal financial management capacity of young people in Vietnam.

Keywords: financial well-being, the young, financial discussion, financial literacy, attitude towards money.

1. Giới thiệu nghiên cứu

Tình trạng bấp bênh về nguồn thu nhập của người lao động trước những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 một lần nữa tái khẳng định vai trò quan trọng của việc quản lý chi tiêu cá nhân, đầu tư và tiết kiệm nguồn tiền để phòng ngừa những tình huống bất trắc không lường trước có thể xảy ra trong tương lai. Vai trò của sức khỏe tài chính không chỉ giới hạn đối với cá nhân mà còn ảnh hưởng tới cả gia đình và xã hội khi nó giúp làm tăng năng suất công việc, chất lượng các mối quan hệ và thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế (Diener, 2000; Netemeyer & cộng sự, 2017).

Trên thực tế, sức khỏe tài chính ngày càng ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu rộng đến đời sống của thế hệ trẻ. Các số liệu từ các nghiên cứu gần đây cho thấy sự gia tăng của số lượng người trẻ từ 18 - 29 tuổi gặp khó khăn về các vấn đề tài chính (Brüggen & cộng sự, 2017; Williams & Oumlil, 2015). Nguyên nhân có thể kể đến là đối tượng này chịu nhiều rủi ro từ các hành vi tín dụng không an toàn, tiêu dùng quá mức (Gutter & Copur, 2011), sự thiếu kiến thức và kinh nghiệm về các vấn đề quản lý tài chính cá nhân (Ergün, 2018). Ngoài ra, áp lực về tài chính sẽ gia tăng đối với giới trẻ khi nhóm đối tượng này phải chịu sức ép từ chi phí giáo dục cao, sự bấp bênh về cơ hội việc làm và gánh nặng trả nợ lớn (Elliott & Lewis, 2015).

Nhiều tác giả trên thế giới đã nghiên cứu về sức khỏe tài chính và các nhân tố tác động đến nó nhưng các nghiên cứu này chủ yếu được tiến hành ở các nước phát triển có nền giáo dục tiên tiến, nơi mà sinh viên có cơ hội tiếp cận các sản phẩm tài chính từ rất sớm. Trong khi đó, sinh viên Việt Nam có rất ít trải nghiệm thực tế về tài chính trước khi lên đại học, và hầu như chưa tự chủ tài chính khi học đại học. Do đó, việc tiến hành nghiên cứu về đề tài này và điều chỉnh thang đo sao cho phù hợp là vô cùng cần thiết.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng bên cạnh việc nghiên cứu tài liệu để đưa ra những kết luận khách quan và mang tính thực tiễn. Thông qua quá trình nghiên cứu tổng quan các công trình nổi bật trong và ngoài nước, tác giả xây dựng mô hình lý thuyết phù hợp để thực hiện khảo sát về tình hình sức khỏe tài chính cá nhân và các nhân tố liên quan. Phương pháp hồi quy tuyến tính được sử dụng để phân tích dữ liệu và đưa ra kết luận rằng để cải thiện sức khỏe tài chính của giới trẻ, cần tăng cường thảo luận tài chính trong gia đình và nâng cao nhận thức về ý nghĩa của tiền. Dựa trên kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất những kiến nghị mang tính chất tham khảo cho những nhà làm chính sách nhằm hoàn thiện hơn các chương trình giáo dục, đồng thời khuyến khích sự trao đổi về tài chính giữa cha mẹ và con cái nhằm nâng cao sức khỏe tài chính cá nhân của giới trẻ.

2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Sức khỏe tài chính

Tầm quan trọng của việc đánh giá sức khỏe tài chính đã được nhấn mạnh trong nhiều nghiên cứu trên thế giới. Báo cáo của CFPB - Cục bảo vệ tài chính người tiêu dùng năm 2015 đã nhấn mạnh mục tiêu của giáo dục tài chính phải là để nâng cao sức khỏe tài chính dựa trên thực tế rằng tác động mà giáo dục tài chính mang lại đối với hành vi tài chính của giới trẻ vẫn còn thấp. Dựa trên việc phân tích và tổng hợp nhiều nghiên cứu trong quá khứ, Brüggen (2017) chỉ ra rằng sức

khỏe tài chính được thể hiện qua hai khía cạnh: chủ quan và khách quan. Nếu khía cạnh khách quan thể hiện qua những tiêu chí có thể lượng hóa được như thu nhập cá nhân, khả năng tự chủ về tài chính hay số tiền tiết kiệm được thì khía cạnh chủ quan thể hiện nhận thức và đánh giá của mỗi cá nhân về tình hình tài chính của mình. Prawitz & cộng sự (2006) cho rằng việc đo lường sức khỏe tài chính bằng các tiêu chí khách quan mới chỉ thể hiện được những bề nổi của khái niệm này bởi nhiều cá nhân tuy sở hữu nhiều tài sản, của cải nhưng vẫn cảm thấy bất an về năng lực tài chính của bản thân. Từ đó, ông cho rằng cách đánh giá theo hướng chủ quan phù hợp và mang tính toàn diện hơn so với cách tiếp cận khách quan. Nhiều nghiên cứu cũng đã áp dụng cách tiếp cận này để đo lường sức khỏe tài chính như O'Neill & cộng sự (2005), Sabri & cộng sự (2019).

2.2. Thảo luận tài chính

Quá trình nhận thức của mỗi cá nhân từ khi còn nhỏ chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi sự tương tác, trao đổi, thảo luận đến từ giáo dục, bạn đồng trang lứa, thầy cô, ... và đặc biệt là bố mẹ. Trên thực tế, việc nâng cao kiến thức tài chính từ các chương trình giáo dục của nhà trường không bảo đảm cho việc hình thành các hành vi tài chính có trách nhiệm (Tang & cộng sự, 2015), từ đó tác động không đáng kể tới khả năng đạt được sự ổn định về tài chính cá nhân sau này. Shim & cộng sự (2009) và Van Campenhout (2015) cho rằng các chương trình giáo dục cần kết hợp sự tham gia của bố mẹ để đạt được mục tiêu tạo ra những người tiêu dùng thích nghi tốt với tình hình tài chính nhiều biến động thông qua cách tiếp cận về tâm lý của trẻ.

Nhiều nghiên cứu khẳng định vai trò của bố mẹ trong việc cải thiện sức khỏe tài chính sau này thông qua việc giới thiệu và khuyến khích trẻ sử dụng các công cụ tài chính từ nhỏ. Norvilitis & MacLean (2010) chỉ ra trẻ được dạy cách quản lý tiền ngay từ nhỏ thông qua các thói quen như dự phòng, quản lý tài khoản tiết kiệm sẽ có xu hướng không chịu áp lực từ việc trả nợ trong thế tín dụng. Hira & cộng sự (2013) chứng minh rằng việc cho trẻ tham gia đầu tư sớm tác động tích cực đến việc ra các quyết định tài chính sau này. Khuyến khích trẻ có hành vi tích lũy tài chính giúp trẻ hình thành khả năng kiểm soát chi tiêu, đặt sự ưu tiên cho việc tiết kiệm trong tương lai (Webley & cộng sự, 2013; Otto, 2013).

Dựa vào những lập luận từ các nghiên cứu trên, nghiên cứu này dự đoán rằng việc được cùng thảo luận về tài chính với bố mẹ ngay từ nhỏ sẽ tạo cơ hội cho trẻ hình thành những hành vi tài chính phù hợp, tác động tích cực tới sức khỏe tài chính. Do đó giả thuyết đầu tiên được đề xuất như sau:

H1: Thảo luận tài chính có tác động dương lên sức khỏe tài chính cá nhân.

2.3. Hiểu biết tài chính

Kiến thức tài chính là một thước đo quan trọng để đánh giá khả năng nắm bắt thông tin về thị trường, các công cụ tài chính cũng như năng lực xử lý thông tin để đưa ra quyết định. Tuy nhiên nhiều nhà nghiên cứu đã thể hiện sự lo ngại đối với mức độ hiểu biết tài chính ở mức thấp của người trẻ như hiện nay. Lusardi & cộng sự (2010) đã thống kê được rằng trong 7138 người trẻ thì chỉ có 27% trong số đó có kiến thức về lạm phát, đa dạng hóa rủi ro và có thể tính toán lãi suất cơ bản. Ergün (2018) đánh giá mức độ hiểu biết tài chính của các sinh viên đại học từ tám nước châu Âu và kết luận rằng sinh viên tại đây có kiến thức tài chính ở mức trung bình.

Nhiều nghiên cứu tìm ra mối quan hệ giữa lượng kiến thức tài chính mà một người sở hữu đối với mức độ cá nhân đó tham gia vào thị trường tài chính. Các nghiên cứu của Van Rooij vào năm 2012 và 2017 đều cho rằng người có kiến thức tài chính cao sẽ có xu hướng đầu tư cổ phiếu nhiều hơn so với những người ít hiểu biết hơn về lĩnh vực này. Christelis (2010) cũng có quan điểm

tương tự khi phân tích tác động của khả năng về toán học, ghi nhớ hay trình bày lưu loát của mỗi cá nhân tới việc sở hữu cổ phiếu. Huston (2012) chứng minh rằng khả năng những người có kiến thức tài chính có cơ hội tiếp cận các khoản vay với chi phí thấp cao gấp hai lần so với những người thiếu kiến thức tài chính.

Tuy nhiên tác động của hiểu biết tài chính đối với sức khỏe tài chính của giới trẻ vẫn chưa thực sự rõ ràng. Netemeyer & cộng sự (2017) nhận thấy hiểu biết tài chính có tác động ngược chiều đối với kỳ vọng về tình hình tài chính trong tương lai. Một nghiên cứu khác của Tang & cộng sự (2015) cũng chứng minh rằng các chương trình giáo dục tài chính tập trung vào việc tăng cường kiến thức tài chính không bảo đảm việc gia tăng quyết định tài chính trách nhiệm của giới trẻ. Các nghiên cứu này hầu hết được thực hiện tại các nước phát triển nên việc khảo sát và đánh giá tác động của hiểu biết tài chính đối với sức khỏe tài chính giới trẻ của một nước đang phát triển như Việt Nam là cần thiết.

Từ những lập luận trên tác giả đưa ra giả thuyết dưới đây:

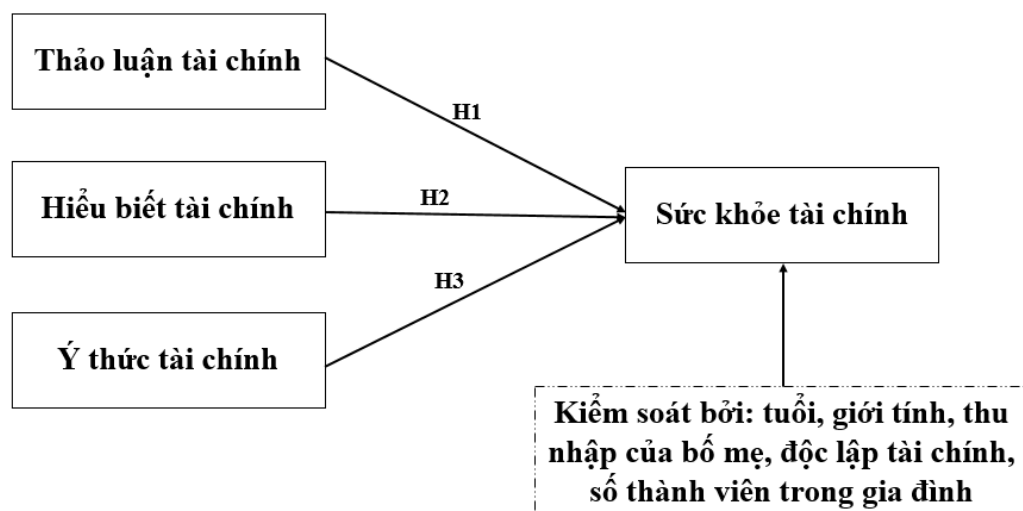
H2: Hiểu biết tài chính có tác động dương lên sức khỏe tài chính.

2.4. Ý thức tài chính

Chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá tác động của ý thức tài chính đối với tình trạng sức khỏe tài chính cá nhân. Tuy nhiên, một số ít nghiên cứu đã chỉ ra vai trò của ý thức tài chính trong việc hình thành các hành vi liên quan tới tiết kiệm và quản lý nguồn lực tài chính. Nghiên cứu của Von Stumm & cộng sự (2013) chỉ ra mối tương quan giữa việc nhìn nhận tiền là phương tiện để đảm bảo cuộc sống trong tương lai với khả năng của một cá nhân trong việc đưa ra các quyết định tài chính phù hợp. Đặc biệt, nghiên cứu thu được kết quả trái ngược nếu cá nhân xem tiền là phương tiện để thể hiện quyền lực. Shim và cộng sự (2009) nghiên cứu 781 người trẻ tại Mỹ đã chứng minh rằng có mối tương quan giữa thái độ tài chính đối với ý định hành vi tài chính của trẻ. Tuy nhiên, các những kết luận thu được về mối quan hệ giữa ý thức tài chính và sức khỏe tài chính vẫn còn ít và chưa rõ ràng. Do đó cần nhiều nghiên cứu hơn về vai trò của nhân tố này đối với sức khỏe tài chính của giới trẻ.

Kế thừa kết quả của những nghiên cứu trước đây, đề tài này dự đoán rằng việc một cá nhân có ý thức tài chính sẽ thể hiện ở việc người đó có cách nhìn đúng đắn về vai trò của tiền trong việc mang lại những thay đổi tích cực cho sức khỏe tài chính và do đó, giả thuyết cuối cùng được đưa ra trong nghiên cứu này là:

H3: Ý thức tài chính các tác động dương lên sức khỏe tài chính.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Nhóm nghiên cứu

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu được tác giả thu thập bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện với đối tượng khảo sát hoàn toàn tự nguyện, trong khoảng thời gian từ 05/03/2021 đến 16/04/2021. Tác giả tiến hành thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua mẫu hỏi được thực hiện trên google form, bao gồm các câu hỏi về thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính, ý thức tài chính, sức khỏe tài chính và các câu hỏi về nhân khẩu học. Đối tượng tham gia khảo sát chủ yếu đến là các các bạn trẻ trên địa bàn Hà Nội, bao gồm các sinh viên của các trường đại học và người đi làm.

Sức khỏe tài chính được đo lường dựa trên thang đo được trình bày trong báo cáo của CFPB năm 2015 bởi sự phù hợp của câu hỏi đối với giới trẻ Việt Nam². Thang đo gồm 10 câu hỏi về việc đánh giá khả năng tài chính hiện tại và trong tương lai. Các nhận xét được đánh giá trên thang đo 5 mức độ với 1 = hoàn toàn không đồng ý, 5 = hoàn toàn đồng ý.

Bảng 1. Thang đo biến Sức khỏe tài chính

Mã hóa	Thang đo
FWB1	Tôi có thể trang trải được một khoản chi tiêu lớn bất thường lên đến 50 triệu đồng.
FWB2	Tôi có thể đảm bảo được các vấn đề tài chính của mình trong tương lai.
FWB3	Vì tình hình tài chính eo hẹp nên tôi có cảm giác rằng tôi không bao giờ có được thứ mình muốn.
FWB4	Tôi hài lòng với cuộc sống của mình vì biết cách quản lý tiền bạc.
FWB5	Số tiền tôi có chỉ đủ sống.

² https://files.consumerfinance.gov/f/201512_cfpb_financial-well-being-user-guide-scale.pdf

Mã hóa	Thang đo
FWB6	Tôi lo lắng rằng số tiền tôi có và tiết kiệm được sẽ sớm cạn kiệt.
FWB7	Tôi gặp áp lực tài chính nếu tháng đó tôi đi dự tiệc cưới, hoặc cần mua quà tặng người khác hoặc đi ăn ngoài nhiều.
FWB8	Tôi vẫn còn dư tiền vào cuối mỗi tháng.
FWB9	Tôi thường chậm trễ trong việc chi trả các nghĩa vụ tài chính.
FWB10	Tôi phải bươn chải để kiếm sống.

Nguồn: Nhóm nghiên cứu

Thang đo đánh giá mức độ tham gia thảo luận tài chính trong gia đình khi còn nhỏ của một cá nhân được áp dụng từ nghiên cứu của Shim & cộng sự (2009) và có một số điều chỉnh để phù hợp với thị trường Việt Nam. Các câu hỏi sẽ được trả lời là “Có” hoặc “Không, quy đổi thành Có = 1, Không = 0. Tổng điểm của mỗi người sẽ chạy từ 0 đến 4.

Bảng 2. Thang đo biến Thảo luận tài chính

Mã hóa	Thang đo
FS1	Khi bạn còn nhỏ, bố mẹ có nói với bạn về tầm quan trọng của các khoản tiết kiệm không?
FS2	Khi bạn còn nhỏ, bố mẹ có nói với bạn về kế hoạch chi tiêu của gia đình không?
FS3	Khi bạn còn nhỏ, bố mẹ có hướng dẫn bạn về việc chi tiêu khi sống xa gia đình không?
FS4	Khi bạn còn nhỏ, bố mẹ có nói với bạn về việc sử dụng và hoàn trả các khoản vay không?

Nguồn: Nhóm nghiên cứu

Hiểu biết tài chính được đo lường thông qua 5 câu hỏi trắc nghiệm về lạm phát, rủi ro, lợi suất, đầu tư và đa dạng hóa. Trong đó 2 câu hỏi về lạm phát và đa dạng hóa được lấy từ nghiên cứu của Lusardi & cộng sự (2010), 3 câu về rủi ro, lợi suất, đầu tư lấy từ nghiên cứu của Fernandes & cộng sự (2014). Tổng điểm của mỗi người sẽ chạy từ 0 (tất cả đều sai) cho đến 5 (tất cả đều đúng).

Bảng 3. Thang đo biến Hiểu biết tài chính

Mã hóa	Thang đo
OFL1	Hãy tưởng tượng rằng lãi suất trên tài khoản tiết kiệm của bạn là 1% mỗi năm và lạm phát là 2% mỗi năm. Sau 1 năm, với số tiền trong tài khoản, bạn có thể mua: A. Nhiều hơn so với hôm nay B. Bằng so với hôm nay C. Ít hơn so với hôm nay D. Không biết E. Đáp án khác
OFL2	Giả sử bạn có 100 đô la trong tài khoản tiết kiệm và lãi suất là 20% mỗi năm. Sau 5 năm, bạn nghĩ bạn sẽ có bao nhiêu trong tài khoản nếu bạn không rút tiền trong suốt thời hạn trên: A. Nhiều hơn 200 đô la B. Chính xác 200 đô la C. Ít hơn 200 đô la D. Không biết E. Đáp án khác
OFL3	Theo bạn, câu nói sau đây là đúng hay sai: “Mua cổ phiếu của một công ty là an toàn hơn so với việc mua cổ phiếu quỹ tương hỗ”? A. Đúng B. Sai C. Không biết D. Đáp án khác
OFL4	Theo bạn, câu nói sau đây là đúng hay sai: "Trái phiếu thường rủi ro hơn cổ phiếu."? A. Đúng B. Sai C. Không biết D. Đáp án khác

Mã hóa	Thang đo
	Thông thường, giá trị của tài sản nào dưới đây biến động nhiều nhất theo thời gian?
OFL5	A. Tài khoản tiết kiệm B. Cổ phiếu C. Trái phiếu D. Không biết E. Đáp án khác

Nguồn: Nhóm nghiên cứu

Nghiên cứu của Yamauchi & Templer (1982) đã chỉ ra nhiều khía cạnh khác nhau về nhận thức của mỗi cá nhân về tiền. Trong số đó tác giả lựa chọn thang đo của khía cạnh “Tiền là phương tiện để lưu giữ giá trị” bởi phương diện này phù hợp khi dùng để đánh giá sức khỏe tài chính, vốn được xem xét dựa trên khả năng bảo đảm năng lực tài chính trong tương lai. Mỗi câu được đánh giá theo thang đo 6 mức độ với 0 = Hoàn toàn không đồng ý - 6 = Hoàn toàn đồng ý.

Bảng 4. Thang đo biến Ý thức tài chính

Mã hóa	Thang đo
ATM1	Tôi lập kế hoạch tài chính cho tương lai.
ATM2	Tôi dành khoản tiết kiệm định kỳ cho tương lai.
ATM3	Tôi tiết kiệm tiền bây giờ để chuẩn bị cho lúc về già.
ATM4	Tôi tiết kiệm tiền để dự phòng cho các chi tiêu bất thường trong tương lai.
ATM5	Tôi theo dõi các khoản chi tiêu của mình.
ATM6	Tôi tuân theo ngân sách tài chính đã đề ra.

Nguồn: Nhóm nghiên cứu

3.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu nghiên cứu được kiểm định thông qua các phương pháp phân tích Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA). Để đánh giá tác động của thảo luận tài chính, hiểu biết tài chính và ý thức tài chính đối với sức khỏe tài chính cá nhân, mô hình hồi quy (OLS) được sử dụng. Phần mềm IBM SPSS Statistics phiên bản 23.0 và IBM SPSS Amos phiên bản 20.0 để sử dụng trong quá trình xử lý và phân tích dữ liệu..

4. Kết quả nghiên cứu & thảo luận kết quả

4.1. Kết quả hệ số Cronbach's Alpha

Tác giả thực hiện phân tích độ tin cậy của thang đo bằng cách thực hiện phân tích Cronbach's Alpha. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo ban đầu cho thấy sự không phù hợp của biến

quan sát SFL, OFL1, OFL2 và FWB10. Do đó những biến này đã bị loại khỏi mô hình và sau khi tiến hành chạy lại mô hình thì kết quả kiểm định được thể hiện trong bảng. Có thể thấy hệ số tương quan biến - tổng của tất cả các biến quan sát trong mô hình đều lớn hơn 0.3, đồng thời hệ số Cronbach's Alpha của từng nhóm nhân tố đều lớn hơn 0.8 và nhỏ hơn 0.95. Do đó có thể kết luận thang đo được sử dụng với những biến quan sát dưới đây là phù hợp.

Bảng 5. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến - tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Thảo luận tài chính (FS): Cronbach's Alpha = 0.714				
FS1	1.18	1.288	.468	.671
FS2	1.47	1.288	.500	.653
FS3	1.35	1.231	.509	.647
FS4	1.40	1.228	.528	.635
Hiểu biết tài chính (FL): Cronbach's Alpha = 0.620				
OFL3	2.17	.962	.366	.680
OFL4	1.98	.895	.497	.723
OFL5	1.93	1.012	.384	.625
Ý thức tài chính (ATM): Cronbach's Alpha = 0.857				
ATM1	18.51	14.494	.744	.814
ATM2	18.48	14.887	.713	.821
ATM3	18.92	15.073	.603	.841
ATM4	18.30	14.797	.657	.830
ATM5	18.44	15.310	.554	.851
ATM6	18.93	15.502	.614	.838
Sức khỏe tài chính (FWB): Cronbach's Alpha = 0.735				
FWB1	25.66	22.601	.461	.702

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Hệ số tương quan biến - tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
FWB2	24.92	23.248	.487	.699
FWB3	24.76	23.705	.444	.706
FWB4	25.05	24.612	.308	.729
FWB5	25.22	25.060	.309	.728
FWB6	25.19	22.672	.481	.699
FWB7	25.23	22.730	.514	.693
FWB8	24.79	24.191	.377	.717
FWB9	24.34	25.180	.310	.727

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm IBM SPSS Statistics 23.0

4.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA)

4.2.1. Phân tích EFA cho biến độc lập

Sau khi thực hiện kiểm định độ tin cậy của thang đo, tác giả thực hiện tìm hệ số KMO và kiểm định Bartlett cho mô hình nghiên cứu. Kết quả phân tích cho thấy hệ số KMO đạt $0.779 > 0.5$ và tổng phương sai trích của mô hình là $57.204\% > 50\%$, cho thấy dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Đồng thời, có thể thấy các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể, thể hiện ở hệ số Sig của kiểm định Bartlett nhỏ hơn 0.5.

Bảng 6. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett cho biến độc lập

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy)			.779
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ		924.746
(Bartlett's Test of Sphericity)	df		78
	Sig.		.000

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm IBM SPSS Statistics 23.0

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho thấy các biến quan sát hội tụ về ba nhóm nhân tố.

Bảng 7. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA với biến độc lập

Biến quan sát	Nhân tố		
	1	2	3
ATM1	.842		
ATM2	.813		
ATM4	.755		
ATM6	.741		
ATM3	.729		
ATM5	.692		
FS3		.756	
FS4		.753	
FS2		.740	
FS1		.665	
OFL4			.820
OFL5			.704
OFL3			.638

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm IBM SPSS Statistics 23.0

4.2.2. Phân tích EFA cho biến phụ thuộc

Kết quả phân tích cho thấy hệ số KMO đạt $0.718 > 0.5$ và tổng phương sai trích của mô hình là $89\% > 50\%$, cho thấy dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Đồng thời, có thể thấy các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể, thể hiện ở hệ số Sig của kiểm định Bartlett nhỏ hơn 0.5.

Bảng 8. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett cho biến phụ thuộc

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy)		.718
Kiểm định Bartlett	Giá trị Chi bình phương xấp xỉ	395.165
(Bartlett's Test of Sphericity)	df	28
	Sig.	.000

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm IBM SPSS Statistics 23.0

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA cho thấy biến FWB9 là không phù hợp và bị loại khỏi mô hình. Kiểm định được thực hiện lại và cho thấy các biến quan sát hội tụ về một nhóm nhân tố.

Bảng 9. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA với biến phụ thuộc

Biến quan sát	Nhân tố
	1
FWB6	.753
FWB5	.737
FWB7	.697
FWB3	.692
FWB2	.735
FWB8	.728
FWB4	.709
FWB1	.675

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm IBM SPSS Statistics 23.0

4.3. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Bảng dưới đây thể hiện mối tương quan giữa các biến số. Ý thức tài chính ($r = 0.309$, $p < 0.001$) và thảo luận tài chính ($r = 0.181$, $p < 0.01$) có tương quan dương với sức khỏe tài chính. Các tương quan khác đều không đáng kể. Tất cả các tương quan được đo lường đều dưới 0.6. vì vậy mô hình không có vấn đề về đa cộng tuyến.

Bảng 10. Ma trận hệ số tương quan Pearson

	Sức khỏe tài chính	Thảo luận tài chính	Hiểu biết tài chính	Ý thức tài chính	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Sức khỏe tài chính	1				27.411	5.408
Thảo luận tài chính	0.180**	1			1.877	1.440
Hiểu biết tài chính	0.0253	0.0587	1		1.918	1.020
Ý thức tài chính	0.309***	0.181**	-0.00642	1	22.790	4.755

* $p < 0.05$. ** $p < 0.01$. *** $p < 0.001$

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm IBM SPSS Statistics 23.0

Để đánh giá ảnh hưởng của các biến độc lập đối với sức khỏe tài chính tác giả thực hiện hai mô hình hồi quy khác nhau. Trong mô hình 1, tác giả đánh giá tác động của biến thảo luận tài chính và hiểu biết tài chính đối với sức khỏe tài chính. Trong mô hình 2, ngoài các biến đã nêu ở mô hình thứ nhất biến ý thức tài chính được thêm vào mô hình.

Bảng 11. Kết quả hồi quy

	Mô hình 1		Mô hình 2	
	Sức khỏe tài chính		Sức khỏe tài chính	
	Hệ số ước lượng B	S.E	Hệ số ước lượng B	S.E
Hằng số	19.95***	2.878	11.32***	3.472
Thảo luận tài chính	0.549**	0.233	0.364	0.226
Hiểu biết tài chính	-0.0314	0.327	0.0249	0.319
Ý thức tài chính			0.319***	0.0718
Giới tính	0.395	0.709	0.666	0.683
Độ tuổi	2.340***	0.778	2.681***	0.749
Số thành viên	-0.822	0.705	-0.490	0.703
Kinh nghiệm làm việc	1.439*	0.855	1.207	0.872
Lương	0.576	0.467	0.603	0.431
Độc lập tài chính	2.049***	0.687	1.759***	0.646
R-squared	0.233		0.306	

Chú thích: *** $p < 0.01$. ** $p < 0.05$. * $p < 0.1$

Nguồn: Kết quả phân tích từ phần mềm IBM SPSS Statistics 23.0

Kết quả hồi quy ở mô hình 1 chỉ ra rằng thảo luận tài chính ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe tài chính ($B = 0.549$, $p < 0.05$). Tác động của hiểu biết tài chính đến sức khỏe tài chính là không đáng kể. Mô hình chỉ giải thích được 23.3% sự biến thiên của biến phụ thuộc.

Ý thức tài chính có trong mô hình 2 có tác động mạnh đến sức khỏe tài chính. dưới sự kiểm soát của các biến nhân khẩu học ($B = 0.319$, $p < 0.001$). Trong khi đó, thảo luận tài chính và hiểu biết tài chính lại tác động không đáng kể lên sức khỏe tài chính. Ý thức tài chính được thêm vào mô hình đã cải thiện R bình phương hiệu chỉnh lên 30.6% và giúp mô hình có ý nghĩa. Do đó mô hình giải thích được 30.6% sự biến thiên của sức khỏe tài chính.

Ngoài ra các biến nhân khẩu học gồm độ tuổi ($B = 2.340$ ở mô hình 1 và $B = 2.681$ ở mô hình 2, $p < 0.001$) và sự độc lập về tài chính ($B = 2.049$ ở mô hình 1, $B = 1.759$ ở mô hình 2, $p < 0.001$) có ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe tài chính trong cả hai mô hình.

5. Kết luận

Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng thảo luận tài chính và ý thức tài chính là những biến quan trọng, có ảnh hưởng tích cực đến sức khỏe tài chính của giới trẻ, trong khi đó tác động của hiểu biết tài chính là không đáng kể. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Netemeyer và cộng sự (2017) khi cũng chỉ ra rằng hiểu biết tài chính không ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe tài chính. Bên cạnh đó, tác động mạnh mẽ của một số biến nhân khẩu học cho thấy sự gia tăng về độ tuổi và khả năng tự lập về tài chính sẽ tạo điều kiện hình thành sức khỏe tài chính lành mạnh cho người trẻ.

Qua đó, việc xây dựng những chương trình giáo dục và đưa ra những can thiệp phù hợp nhằm khuyến khích bố mẹ bắt đầu trò chuyện với con cái về những vấn đề tài chính như là tầm quan trọng của tiết kiệm, thu nhập gia đình, hành vi chi tiêu và sản phẩm tài chính là cần thiết. Ngoài ra, những nhà hoạch định chính sách nên tập trung vào phát triển ý thức tài chính của giới trẻ thông qua các cách thức giao tiếp hiệu quả để nâng cao nhận thức về lợi ích của việc tiết kiệm tiền, quản lý chi tiêu và xây dựng thái độ thận trọng với tiền bạc. Sau cùng, các tổ chức giáo dục cần đẩy mạnh xây dựng và phát triển các khóa học về quản lý tài chính cá nhân, giúp cải thiện hiểu biết và kỹ năng của người trẻ để từ đó tạo cho họ sự tự tin trong việc đưa ra các quyết định tài chính lành mạnh.

Mặc dù đã đi đến những kết luận quan trọng, nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế. Đầu tiên, nghiên cứu này mới chỉ xem xét đến những đối tượng chủ yếu là người trẻ trên địa bàn Hà Nội và sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện với số mẫu khiêm tốn và đối tượng khảo sát chủ yếu là sinh viên, độ tuổi mà hầu hết vẫn đang phụ thuộc một phần vào bố mẹ. Thêm vào đó, do hạn chế về thời gian nghiên cứu nên chỉ có ba nhân tố tiêu biểu tác động đến sức khỏe tài chính được đưa vào mô hình nên vẫn có thể bỏ sót nhân tố có tác động tới sức khỏe tài chính.

Tài liệu tham khảo

Brüggen, E.C., Hogreve, J., Holmlund, M., Kabadayi, S. & Löfgren, M. (2017), “Financial well-being: A conceptualization and research agenda”, *Journal of Business Research*, Vol.79, pp. 228 – 237.

Christelis, D., Jappelli, T. & Padula, M. (2010), “Cognitive abilities and portfolio choice”, *European Economic Review*, Vol. 54 No. 1, pp. 18 – 38.

Diener, E. (2000), “Subjective well-being: The science of happiness and a proposal for a national index”, *American Psychologist*, Vol. 55 No. 1, pp. 34 – 43.

Elliott, W. & Lewis, M. (2015), “Student debt effects on financial well-being: Research and policy implications”, *Journal of Economic Surveys*, Vol. 29 No. 4, pp. 614 – 636.

Ergün, K. (2018), “Financial literacy among university students: A study in eight European countries”, *International Journal of Consumer Studies*, Vol. 42 No. 1, pp. 2 – 15.

Fernandes, D., Lynch, J.G. & Netemeyer, R.G. (2014) “Financial literacy, financial education, and downstream financial behaviors”, *Management Science*, Vol. 60 No. 8, pp. 1861 – 1883.

Gutter, M. & Copur, Z. (2011), “Financial Behaviors and Financial Well-Being of College Students: Evidence from a National Survey”, *Journal of Family and Economic Issues*, Vol. 32 No. 4, pp. 699 – 714.

Hira, T.K., Sabri, M.F. & Loibl, C. (2013) ,“Financial socialization’s impact on investment orientation and household net worth”, *International Journal of Consumer Studies*, Vol. 37 No. 1, pp. 29 – 35.

Huston, S.J. (2012), “Financial literacy and the cost of borrowing”, *International Journal of Consumer Studies*, Vol. 36 No. 5, pp. 566 – 572.

Lusardi, A., Mitchell, O.S. & Curto, V. (2010), “Financial literacy among the young”, *Journal of Consumer Affairs*, Vol. 44 No. 2, pp. 358 – 380.

Netemeyer, R.G., Warmath, D., Fernandes, D. & Lynch, J.G. (2017), “How Am I Doing? Perceived Financial Well-Being, Its Potential Antecedents, and Its Relation to Overall Well-Being”, *Journal of Consumer Research*, Vol. 45 No. 1, pp. 68 – 89.

Norvilitis, J.M. & MacLean, M.G. (2010), “The role of parents in college students’ financial behaviors and attitudes”, *Journal of Economic Psychology*, Vol. 31 No. 1, pp. 55 – 63.

O'Neill, B., Sorhaindo, B., Xiao, J.J., & Garman, E.T. (2005), “Financially distressed consumers: Their financial practices, financial well-being, and health. Financial Counseling and Planning”, Vol. 16 No. 1, pp. 73 – 87.

Otto, A. (2013), “Saving in childhood and adolescence: Insights from developmental psychology”, *Economics of Education Review*, Vol. 33, pp. 8 – 18.

Prawitz, A.D., Garman, E.T., Sorhaindo, B., Barbara, O., Kim, J. & Drentea, P. (2006), “InCharge financial distress/financial well-being scale: Development, administration, and score interpretation”, *Journal of Financial Counseling and Planning*, Vol. 17 No. 1, pp. 34 – 50.

Sabri, M.F., Wijekoon, R. và Rahim, H.A. (2020), “The influence of money attitude, financial practices, self-efficacy and emotion coping on employees’ financial well-being”, *Management Science Letters*, Vol. 10 No. 4, pp. 889 – 900.

Shim, S., Xiao, J.J., Barber, B.L. & Lyons, A.C. (2009), “Pathways to life success: A conceptual model of financial well-being for young adults”, *Journal of Applied Developmental Psychology*, Vol. 30 No. 6, pp. 708 – 723.

Tang, N., Baker, A. & Peter, P.C. (2015), “Investigating the Disconnect between Financial Knowledge and Behavior: The Role of Parental Influence and Psychological Characteristics in Responsible Financial Behaviors among Young Adults”, *Journal of Consumer Affairs*, Vol. 49 No. 2, pp. 376 – 406.

Van Campenhout, G. (2015), “Revaluing the role of parents as financial socialization agents in youth financial literacy programs”, *Journal of Consumer Affairs*, Vol. 49 No. 1, pp. 186 – 222.

Van Rooij, M.C.J., Lusardi, A. & Alessie, R.J.M. (2012), “Financial Literacy, Retirement Planning and Household Wealth”, *Economic Journal*, Vol. 122 No. 560, pp. 449 – 478.

Von Stumm, S., Fenton O’Creevy, M. & Furnham, A. (2013), “Financial capability, money attitudes and socioeconomic status: Risks for experiencing adverse financial events”, *Personality and Individual Differences*, Vol. 54 No. 3, pp. 344 – 349.

Webley, P. & Nyhus, E.K. (2013), “Economic socialization, saving and assets in European young adults”, *Economics of Education Review*, Vol. 33, pp. 19 – 30.

Willis, L. (2008), “Against Financial-Literacy Education”, *Scholarship at Penn Law*, University of Pennsylvania. Law School, Paper 208.

Yamauchi, K.T. & Templer, D.J. (1982), “The Development of a Money Attitude Scale, Journal of Personality Assessment”, *Journal of personality assessment*, Vol. 46 No. 5, pp. 522 – 528.

Williams, A.J. & Oumlil, B. (2015), “College student financial capability”, *International Journal of Bank Marketing*, Vol. 33 No. 5, pp. 637 – 653.